

CÔNG KHAI
Thông tin cơ sở vật chất năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Diện tích			
I	Số phòng học					
1	Phòng học kiên cố	14	840 m ²			
II	Phòng chức năng					
5	Phòng bán kiên cố	3	180 m ²			
6	Phòng bán kiên cố	3	210 m ²			
8	Bình quân học sinh/lớp	43	1.71 m ² /1học sinh			
III	Tổng số diện tích đất (m ²)	35940 m ²	74.7 m ² /1học sinh			
IV	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2500 m ²	5,1 m ² /1học sinh			
V	Tổng diện tích phòng học					
1	Diện tích phòng học (m ²)	60 m ²	1,39 m ² /1học sinh			
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	70 m ²	1,6 m ² /1học sinh			
3	Diện tích thư viện (m ²)	70 m ²	0.14 m ² /1học sinh			
4	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60 m ²	0,12 m ² /1học sinh			
VI	Tổng số thiết bị dùng cho dạy và học	Số lượng	Bình quân			
1	Ty vi	14	1,27/ lớp			
2	Máy vi tính	36	13,3 HS/ bộ			
VII	Tổng số thiết bị dùng chung khác	Bộ	Nơi để			
1	Ti vi	1	Phòng họp			
2	Máy vi tính	3	Phòng HT,HP, VP			
5	Thiết bị khác (Tăng âm, loa từng)	1	Phòng đội			
VIII	Nhà vệ sinh	Dùng cho GV		Số m ² /học sinh		
		Số khu	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	2/50 m ²	0	25 m ²	0	25m ²

	Nội dung	Số lượng	Không
IX	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	
X	Nguồn điện lưới	1	
XI	Gói internet	2	
XII	Tường rào xây	1	
XIII	Cổng sắt	1	

Người thông kê



Lê Văn Vị

Lăng thành, ngày 10 tháng 09 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị




Nguyễn Văn Hân